

Bản án số: 21/2024/DS-ST

Ngày 24/5/2024

“V/v tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ trả nợ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan;

2. Bà Trần Thị Kia.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ trả nợ*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-DS ngày 24/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Văn C, sinh năm 1992; nơi thường trú: Thôn A, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Út N, sinh năm 2001; nơi thường trú: Tổ B, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phan Văn C trình bày: Theo đơn khởi kiện tôi có trình bày cô Nguyễn Thị Út N có mượn của tôi 02 chỉ vàng 980, tuy nhiên thực tế trước đây tôi và cô N là vợ chồng, vào năm 2022 chúng tôi ly hôn, vào thời điểm ly hôn tài sản chung của chúng tôi có 04 chỉ vàng cô N cất giữ. Chúng tôi thỏa thuận mỗi người nhận 02 chỉ và cô N có viết “Giấy nhận nợ” có nội dung cô N nợ tôi 02 chỉ vàng và cam kết đến ngày 28/12/2023 sẽ trả. Tuy nhiên đến nay cô N vẫn không trả, do vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cô N phải trả cho tôi 02 chỉ vàng 980.

2. Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Út N trình bày: Vào tháng 8 năm 2022 tôi và anh C kết hôn, gia đình anh C cho 02 chỉ vàng và gia đình tôi cho 02 chỉ vàng. Sau khi tổ chức đám cưới tôi và anh C đã bán 02 chỉ vàng để chi trả cho đám cưới còn 02 chỉ vài ngày sau tôi cũng bán để lo cuộc sống hằng ngày. Đến tháng 12 năm 2022 tôi nộp đơn ly hôn, anh C

không đồng ý ly hôn mà nhiều lần nhắn tin đe dọa tôi đồng thời yêu cầu tôi phải viết giấy nhận nợ 02 chỉ vàng thì anh C mới đồng ý ký ly hôn. Do vậy tôi đã viết “Giấy nhận nợ” và cam kết đến ngày 28/12/2023 trả cho anh C 02 chỉ vàng. Thực tế tôi không có nợ anh C, việc viết giấy chỉ là để cho anh C ký giấy ly hôn, hiện nay điều kiện kinh tế tôi khó khăn nên tôi không đồng ý trả theo yêu cầu của anh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Út N; nơi thường trú: Tổ B, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai phải trả vàng còn nợ theo “Giấy nhận nợ” bị đơn đã viết vào thời điểm ly hôn để thỏa thuận phân chia tài sản chung. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì quan hệ tranh chấp của vụ án từ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” chuyển thành “Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ trả nợ”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn chị N thừa nhận đã viết và ký vào “Giấy nhận nợ” có nội dung: “Tôi thừa nhận có nợ của A Phan Văn C, sinh năm 1992; thôn A, xã C, thị xã A - tỉnh Gia Lai số vàng là 2 chỉ vàng y 9t8 tôi sẽ trả cho A Phan Văn C trong thời hạn 1 năm (từ ngày 28/12/2022 đến ngày 28/12/2023)”, tuy nhiên bị đơn cho rằng việc viết giấy nhận nợ là để anh C đồng ý ký thuận tình ly hôn. Lời khai của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận và cũng không có căn cứ xác định chị N bị ép buộc khi viết và ký “Giấy nhận nợ”, do vậy lời trình bày của bị đơn không có căn cứ để công nhận. Căn cứ vào nội dung “Giấy nhận nợ” xác định bị đơn chị N còn nợ nguyên đơn anh C 02 chỉ vàng 980, do vậy nguyên đơn yêu cầu trả là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là $2 \text{ chỉ} \times 7.340.000\text{đ} \times 5\% = 734.000\text{đ}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 276, khoản 1 Điều 351, Điều 352 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Út N phải trả cho nguyên đơn anh Phan Văn C 02 (hai) chỉ vàng 980.

2. Về án phí: Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Út N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 734.000đ (bảy trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Nguyên đơn anh Phan Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh C tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012970 ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Khê.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 24/5/2024.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã An Khê;
- Chi cục THADS TX An Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Thảo